

Thúc đẩy tính tự chủ trong việc học tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất không chuyên thông qua công nghệ

Vũ Thị Phương Thoa*, Trần Thị Hoàng Yên**

Nhận ngày 12 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Bài báo này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của công nghệ trong việc thúc đẩy năng lực tự chủ trong việc học tiếng Anh với sinh viên năm nhất không chuyên tại một trường đại học ở Việt Nam. Bài báo tìm hiểu mức độ mà các công cụ công nghệ hỗ trợ trong việc phát triển năng lực tự học của sinh viên thông qua sử dụng các phương pháp định tính và định lượng, bao gồm bảng khảo sát và việc quan sát của giáo viên tại lớp học. Đồng thời, bài báo cũng xem xét những thách thức mà sinh viên gặp phải khi sử dụng các công cụ này để học tập tự chủ. Kết quả cho thấy, mặc dù các công cụ công nghệ như: Quizlet, Padlet và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đóng góp đáng kể vào việc cải thiện kỹ năng ngôn ngữ và thúc đẩy tính tự học, nhưng các rào cản như thiếu kỹ năng sử dụng công nghệ, vấn đề kỹ thuật, và sự thiếu tương tác vẫn còn tồn tại.

Từ khóa: Học tập tự chủ, ứng dụng học ngôn ngữ, tài nguyên trực tuyến, nền tảng tương tác, lớp học đảo ngược.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: This study explores the impact of technology on fostering autonomous learning among first-year non-English major students at a Vietnamese university. Utilizing both qualitative and quantitative methods, including questionnaires and observations, the research investigates the extent to which technological tools enhance students' self-directed learning abilities. The study also examines the challenges faced by students when using these tools for autonomous learning. The findings reveal that while technological tools like Quizlet, Padlet, and AI applications significantly contribute to improving students' language skills and fostering learning autonomy, challenges such as digital literacy, technical issues, and lack of interaction remain barriers.

Keywords: Autonomous learning, language learning apps, online resources, interactive platforms, flipped classrooms

Subject classification: Linguistics

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh

Trong bối cảnh giáo dục ngày càng chú trọng tới việc phát triển những kỹ năng tự học, khái niệm "tính tự chủ trong học tập" đã trở thành một mục tiêu cốt lõi trong giáo dục ngoại ngữ. Tính tự chủ được hiểu là khả năng của người học tự quản lý quá trình học tập của mình, bao gồm việc tự quyết định những gì cần học, học như thế nào và học khi nào. Tính tự chủ góp phần tăng cường động lực, sự tham gia và kết quả học tập tổng thể của sinh viên.

Tuy nhiên, việc thúc đẩy tính tự chủ động trong học tập ở sinh viên năm thứ nhất, đặc biệt là sinh viên không chuyên gặp nhiều khó khăn. Đa số sinh viên thiếu kỹ năng và chiến

*,** Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Email: vuthiphuongthoa@haui.edu.vn

lược cần thiết để tự học, chưa quen với việc học tập độc lập và thường dựa vào phương pháp giảng dạy truyền thống lấy giáo viên là trung tâm.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết này hướng tới việc đánh giá hiệu quả của các công cụ và ứng dụng công nghệ trong việc thúc đẩy tính tự chủ trong học tập Tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất không chuyên. Các mục tiêu chính bao gồm: (1) Đánh giá hiệu quả của các công cụ công nghệ và ứng dụng trong việc phát triển kỹ năng học tập tự chủ; (2) Xác định những thách thức và cơ hội để cải thiện việc sử dụng các công cụ này.

Để đạt được mục tiêu, nghiên cứu cần trả lời 2 câu hỏi sau: (1) Các công cụ kỹ thuật và ứng dụng hiệu quả như thế nào trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ và thúc đẩy tính tự chủ động? (2) Những thách thức chính mà sinh viên đối mặt khi sử dụng các công cụ này là gì, và các biện pháp cải thiện ra sao?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về tính tự chủ trong học tập

Tính tự chủ trong học tập đã được nghiên cứu rộng rãi trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, với nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau. Theo Holec (1981), tính tự chủ được mô tả như khả năng người học tự quản lý quá trình học tập của mình, từ việc thiết lập mục tiêu, lựa chọn phương pháp học tập, đến việc đánh giá kết quả học tập. Bên cạnh đó, Benson (2001) nhấn mạnh rằng tính tự chủ không chỉ đơn thuần là sự độc lập mà còn là khả năng kiểm soát môi trường học tập của bản thân.

Little (1991) bổ sung rằng, tính tự chủ thể hiện qua sự sẵn sàng chủ động và có hệ thống trong quá trình học. Theo Sinclair (2000), đây là một khái niệm linh hoạt, có thể thay đổi tùy thuộc vào người học, ngữ cảnh và nhiệm vụ. Để đạt được tính tự chủ, người học cần phát triển kỹ năng học tập độc lập cũng như có động lực nội tại để duy trì việc học, như được Dam (1995) và Cotterall (2000) đề xuất. Trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, việc thúc đẩy tính tự chủ không chỉ là một mục tiêu mà còn là một chiến lược quan trọng để nâng cao hiệu quả học tập.

2.2. Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ

Công nghệ đã mang lại những thay đổi đáng kể trong việc học ngôn ngữ, cung cấp các cơ hội chưa từng có để tiếp cận tài liệu học tập và môi trường thực hành ngôn ngữ. Warschauer và Healey (1998) cho rằng, việc tích hợp công nghệ giúp người học tiếp cận các nguồn tài nguyên ngôn ngữ xác thực, qua đó thúc đẩy tính tự chủ. Chapelle (2003) nhấn mạnh vai trò của các công cụ học ngoại ngữ dựa trên máy tính (CALL) trong việc cá nhân hóa lộ trình học tập, đáp ứng nhu cầu và mục tiêu riêng của từng người học.

Ngoài ra, Egbert (2005) chỉ ra rằng, công nghệ có thể tăng cường động lực học tập thông qua các tài nguyên hấp dẫn, tương tác và đa phương thức, phù hợp với các phong cách học tập khác nhau. Tuy nhiên, Hubbard (2009) lưu ý rằng việc tích hợp công nghệ hiệu quả đòi hỏi người học phải được trang bị các kỹ năng sử dụng công nghệ và tư duy phản biện.

Trong bối cảnh học tập qua thiết bị di động, Stockwell (2010) đề cập đến tính linh hoạt nhưng cũng cảnh báo về các thách thức như hạn chế thiết bị, sự phân tâm và yêu cầu cao về tính tự giác. Các ứng dụng như Duolingo, Quizlet hay Padlet đã minh chứng cho sự hiệu quả trong việc thúc đẩy tính tự chủ thông qua các môi trường học tập linh hoạt, hấp dẫn và phù hợp với cá nhân. Tuy nhiên, Lai và Gu (2011) lưu ý rằng, việc lạm dụng các công cụ công nghệ có thể dẫn đến sự phụ thuộc, làm giảm khả năng tư duy và học tập độc lập của người học.

Tóm lại, việc tích hợp công nghệ trong học ngôn ngữ không chỉ hỗ trợ người học nâng cao kỹ năng mà còn là một phương tiện quan trọng để thúc đẩy tính tự chủ. Tuy nhiên, thành công của quá trình này phụ thuộc lớn vào khả năng thích nghi, kỹ năng số và động lực tự thân của người học.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 6 năm 2024 với sự tham gia của 101 sinh viên năm nhất không chuyên tiếng Anh tại trường đại học Công nghiệp Hà Nội với các trình độ năng lực tiếng Anh khác nhau. Hầu hết các em sinh viên tham gia nghiên cứu đều có năng lực tiếng Anh ở mức sơ cấp tương đương với bậc 2 trong khung tham chiếu châu Âu CEFR. Trong đó, có 79 em sinh viên nữ và 22 sinh viên nam trong độ tuổi từ 18 đến 21, đang theo học các chuyên ngành về Du lịch, Quản trị Khách sạn và Quản trị Du lịch và Lữ hành. Các em sinh viên được mời tham gia nghiên cứu vì bản thân các em là những người trực tiếp được trải nghiệm mô hình học tập kết hợp tại trường cũng như sử dụng các công cụ công nghệ, ứng dụng học trực tuyến để phục vụ cho quá trình tự học tiếng Anh. Thông qua khảo sát trải nghiệm của các sinh viên, nghiên cứu hướng đến xác định tính hiệu quả của các công cụ và việc ứng dụng công nghệ trong việc thúc đẩy tính tự chủ trong học tập của sinh viên.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, thu thập và phân tích cả dữ liệu định tính và định lượng. Một bảng câu hỏi đã được thiết kế để thu thập cả dữ liệu định lượng và định tính, các phiếu quan sát lớp học được phân tích để tổng hợp dữ liệu định tính. Sự kết hợp các phương pháp này nhằm mục đích cung cấp cái nhìn toàn diện về chủ đề nghiên cứu.

Quá trình thu thập dữ liệu được thực hiện trong và sau mười tuần sinh viên học tập môn tiếng Anh. Hai công cụ chính được sử dụng để thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi và phiếu quan sát lớp học.

3.2.1. Bảng câu hỏi

Để đạt được mục tiêu, nghiên cứu này cũng triển khai hai bảng câu hỏi: bảng câu hỏi đầu kỳ học và bảng câu hỏi sau kỳ học, bao gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Câu hỏi đóng gồm các câu hỏi trắc nghiệm với các phương án lựa chọn và đánh giá khác nhau, tạo điều kiện cho người tham gia phỏng vấn có thể đưa ra câu trả lời một cách dễ dàng cũng như có thể đưa ra nhiều phương án trả lời khác nhau, trong khi đó họ hoàn toàn có thể thoải mái đưa ra ý kiến chủ quan đối với các câu hỏi mở. Lợi ích chính mà các câu hỏi đóng mang lại chính là sự dễ dàng trong việc phân tích và tổng hợp các câu trả lời dưới dạng con số, tuy nhiên, các câu trả lời lại khá ngắn và chưa thể hiện hết được ý nghĩa sâu xa trong câu trả lời của người được phỏng vấn. Do đó, việc bổ sung các câu hỏi mở chính là lựa chọn hiệu quả để làm phong phú thêm câu trả lời của người tham gia nghiên cứu thay vì chỉ dừng lại ở kết quả mang tính số lượng (Neuert và cộng sự, 2021). Đây cũng là lý do tại sao tác giả quyết định bổ sung một số câu hỏi phụ với chức năng giải thích và một số các câu hỏi ngắn kèm theo các câu hỏi đóng trong bảng câu hỏi với mục tiêu thu được các ý nghĩa sâu xa hơn trong các dữ liệu dạng số. Tất cả các câu trả lời trong bảng câu hỏi đều được tổng hợp, phân tích và thể hiện dưới dạng bảng biểu tóm tắt. Về chi tiết, bảng câu hỏi đầu kỳ học được thực hiện vào tuần đầu tiên để thu thập năm loại thông tin liên quan đến cá nhân người tham gia nghiên cứu là họ tên, giới tính, độ tuổi, ngành học và thời gian học tiếng Anh, tần suất tự học tiếng Anh thông qua các công cụ và ứng dụng công nghệ, thời gian tự học bằng các ứng dụng đó và loại ứng dụng được sử dụng để học tiếng Anh.

Sau cùng, bảng câu hỏi sau kỳ học bao gồm hai phần chính (Phần 1: Phát triển kỹ năng và Phần 2: Toàn bộ trải nghiệm) được thực hiện để xác định những nhận định của sinh viên trước và sau khi sử dụng các công cụ và ứng dụng học tiếng Anh cũng như làm rõ hiệu quả của chúng đối với khả năng tự chủ trong học tập của sinh viên trong mười tuần học. Phần 1 bao gồm 12 câu hỏi, trong đó có sáu câu được thiết kế nhằm mục đích tìm hiểu về cảm nhận của sinh viên đối với sự hiệu quả của các công cụ và ứng dụng học trong việc nâng cao các kỹ năng tiếng Anh của các em. Các câu hỏi chứa thước đo năm mức độ hiệu quả (*Cực kỳ hiệu quả, Rất hiệu quả, Hiệu quả vừa phải, Ít hiệu quả, Không hiệu quả*). Sáu câu hỏi còn lại trong bảng câu hỏi sau kỳ học có chức năng làm rõ các đặc điểm hữu ích nhất của các công cụ và ứng dụng học tiếng Anh đối với từng kỹ năng và ở dạng câu hỏi trắc nghiệm. Ngoài ra, Phần 2 được thực hiện nhằm tìm hiểu về trải nghiệm của sinh viên khi sử dụng các công cụ và ứng dụng học tiếng Anh đó trong việc nâng cao tính tự chủ học tiếng Anh của các em. Câu hỏi đầu tiên trong phần này giúp xác định mức độ hài lòng của các em khi sử dụng các công cụ và ứng dụng học tiếng Anh theo thang đo năm mức độ: *Rất hài lòng, Hài lòng, Không có ý kiến, Không hài lòng, Rất không hài lòng*. Thêm vào đó, một câu hỏi trắc nghiệm cũng được đưa ra để xác định các yếu tố cấu thành tính tự chủ trong học tập của sinh viên được nâng cao thông qua sử dụng các ứng dụng và công cụ học tiếng Anh trong ba giai đoạn: *Giai đoạn lên kế hoạch, Giai đoạn kiểm soát, và Giai đoạn đánh giá*. Để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu số 2, câu hỏi số 3, phần này cũng liệt kê một số thách thức đối với sinh viên khi sử dụng các ứng dụng và công cụ học tiếng Anh đối với tính tự chủ trong học tập tiếng Anh của các em. Với mỗi câu hỏi trắc nghiệm, cũng sẽ kèm theo một ô trống để người tham gia phỏng vấn có thể thêm chi tiết để làm rõ lựa chọn của mình. Phần cuối là một câu hỏi mở về những đề xuất mà sinh viên có thể đưa ra để cải thiện các ứng dụng và công cụ công nghệ để cải thiện tính tự chủ trong học tập tiếng Anh của các em.

3.2.2. Phiếu quan sát

Trước khi thực hiện bảng câu hỏi sau kỳ học, tác giả nghiên cứu đã thực hiện quan sát các lớp học trong sáu buổi ngẫu nhiên, trong đó, các giáo viên sẽ giới thiệu và hướng dẫn sinh viên sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ trên lớp để luyện tập học tiếng Anh. Tất cả những quan sát về thái độ của sinh viên đối với các công cụ và ứng dụng ấy cũng như những thay đổi trong tính tự chủ trong học tập của các em khi sử dụng những công cụ này đều được ghi lại chi tiết trong phiếu quan sát.

Trong năm buổi quan sát đầu tiên, giáo viên đã hướng dẫn khái quát về các công cụ và ứng dụng học tiếng Anh, như: VOA Learning English: AI+, Learn English Podcasts (cải thiện kỹ năng nghe), Elsa Speak, Babbel (cải thiện kỹ năng nói), Memrise và Wordup (cải thiện từ vựng), Ejoy Reader, Spreeder (cải thiện kỹ năng đọc) và Learn English Grammar, Grammarly (cải thiện ngữ pháp). Với mỗi công cụ và ứng dụng công nghệ, giáo viên đều nhấn mạnh đến mục đích học tập của chúng cũng như hướng dẫn sinh viên cài đặt, tận dụng các đặc điểm nổi bật của từng ứng dụng và lựa chọn mức độ và chủ đề phù hợp để tự học. Ví dụ, bài 1 trong giáo trình trên lớp của sinh viên là “Tiếng Anh dành cho Du lịch và Lữ hành 4” có chủ đề là “Các ngành nghề trong Du lịch và Lữ hành”, sinh viên hoàn toàn có thể tìm và học được các từ vựng liên quan trên các ứng dụng như Memrise và cấu trúc ngữ pháp trên Learn English Grammarly hay các bài đọc liên quan đến chủ đề này trên Ejoy Reader, cũng như luyện nghe các bài nghe trên VOA Learning English: AI+, luyện tập thực hành hội thoại ngắn trên Babbel. Ngoài ra, giáo viên còn dành thời gian hỗ trợ và trả lời các câu hỏi của sinh viên liên quan đến các công cụ công nghệ học tiếng Anh đó. Sinh viên sau đó được chia làm các nhóm để chia sẻ với các thành viên về những điều các em đã học được

thông qua các ứng dụng và công cụ tự học tiếng Anh cũng như những khó khăn mà các em gặp phải. Để giúp sinh viên hoạt động tương tác ngay trên lớp, giáo viên còn tạo các phần trò chơi ngay trên các ứng dụng như là Quizizz hay Kahoot, Bamboozle.

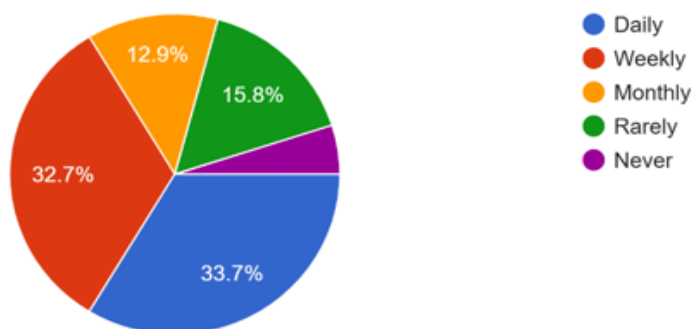
4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Bảng câu hỏi

4.1.1. Tần suất sinh viên sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ học tiếng Anh

Số liệu từ biểu đồ hình tròn được tổng hợp cho thấy phần lớn sinh viên thường xuyên sử dụng các ứng dụng công nghệ để học tiếng Anh. Khoảng 33,7% số lượng sinh viên sử dụng các ứng dụng này hàng ngày, trong khi đó 32,7% sử dụng hàng tuần. Kết quả này cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ vào quá trình học tiếng Anh khá cao. Tuy nhiên, vẫn còn một nhóm nhỏ sinh viên không thường xuyên sử dụng các ứng dụng này để học, điều này cũng chứng minh các mức độ phụ thuộc vào công nghệ khác nhau để tự học tiếng Anh.

Hình 1: Tần suất sinh viên sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ học tiếng Anh

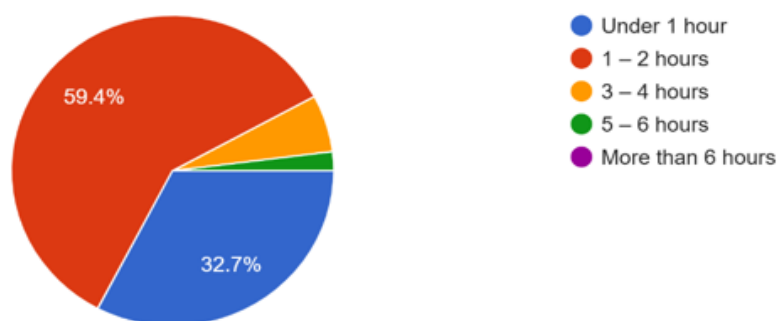


Nguồn: Tác giả tổng hợp

4.1.2. Thời lượng sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ học tiếng Anh

Theo thống kê về thời lượng sử dụng công cụ và ứng dụng để học tiếng Anh trên biểu đồ hình tròn dưới đây thì có gần 60% số lượng sinh viên dành ra khoảng một đến hai tiếng sử dụng các ứng dụng đó, trong khi ấy thì 33% còn lại sử dụng ít hơn một tiếng mỗi ngày. Điều này cho thấy rằng hầu hết sinh viên đều thích thú sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ để tự học tiếng Anh thường xuyên nhưng vẫn trong thời lượng vừa phải.

Hình 2: Thời lượng sử dụng các công cụ và ứng dụng công nghệ học tiếng Anh

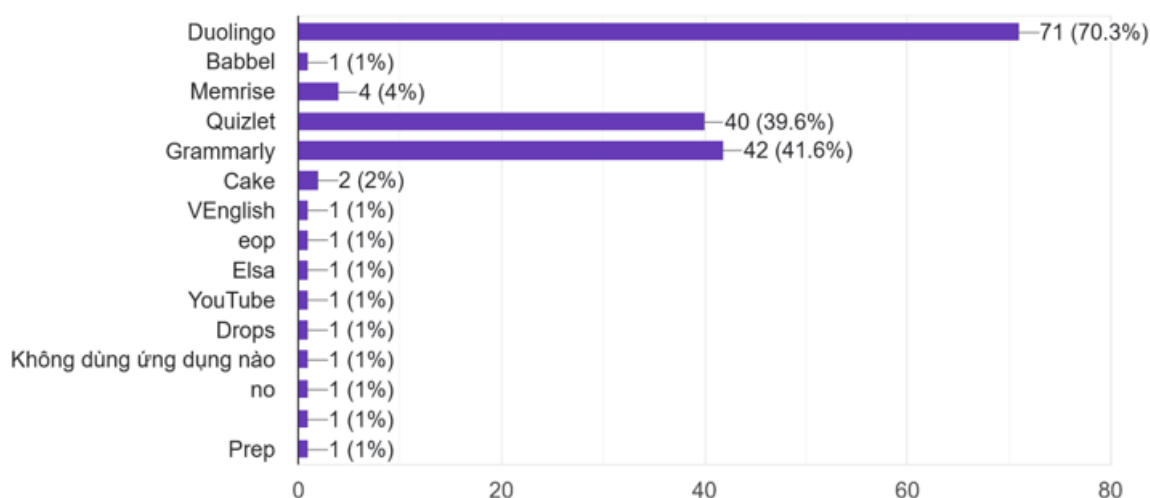


Nguồn: Tác giả tổng hợp

4.1.3. Những ứng dụng tiếng Anh phổ biến dành cho sinh viên

Khảo sát cho thấy những công cụ và ứng dụng phổ biến được sinh viên sử dụng để tự học tiếng Anh là Duolingo, Grammarly, và Quizlet. Trong đó, Doulingo được coi là ứng dụng được sử dụng thường xuyên nhất với 70,3% sinh viên lựa chọn vì thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và các tính năng hỗ trợ việc học ngoại ngữ ưu việt. Grammarly và Quizlet lần lượt đứng thứ hai và thứ ba với 41,6% và 39,6% sinh viên lựa chọn. Ngoài ra, một số các ứng dụng và công cụ khác cũng được tin dùng nhưng với số lượng sinh viên nhỏ hơn như Memrise (4%), Cake (2%), Youtube (1%), ...

Hình 3: Những ứng dụng tiếng Anh phổ biến dành cho sinh viên



Nguồn: Tác giả tổng hợp

4.1.4. Hiệu quả và tính năng của các ứng dụng tự học tiếng Anh trong việc nâng cao kỹ năng và kiến thức cho người học

Kết quả khảo sát dựa trên đánh giá của sinh viên về hiệu quả của các ứng dụng tự học tiếng Anh trong việc nâng cao kỹ năng và kiến thức theo năm bậc (Cực kỳ hiệu quả, Rất hiệu quả, Hiệu quả vừa phải, Ít hiệu quả, Không hiệu quả) được tổng hợp trong bảng dưới đây cho thấy sinh viên đánh giá các ứng dụng rất hiệu quả và cực kỳ hiệu quả trong việc tăng cường kiến thức và kỹ năng nghe, đọc, viết, nói, từ vựng và ngữ pháp.

Bảng 1: Nhận thức của sinh viên về tính hiệu quả của các ứng dụng tự học tiếng Anh trong việc nâng cao kỹ năng và kiến thức cho người học

Đánh giá	Kiến thức và kỹ năng tiếng Anh					
	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Từ vựng	Ngữ pháp
Cực kỳ hiệu quả	11,88%	9,9%	7,92%	15,84%	16,83%	12,87%
Rất hiệu quả	49,51%	50,5%	45,54%	51,49%	64,36%	57,43%
Hiệu quả vừa phải	33,66%	34,65%	35,65%	22,77%	17,82%	24,75%
Ít hiệu quả	3,96%	2,97%	3,96%	6,93%	0,99%	3,96%
Không hiệu quả	0,99%	1,98%	6,93%	2,97%	0%	0,99%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong đó, 61,39% sinh viên đánh giá các công cụ và ứng dụng rất hiệu quả và cực kỳ hiệu quả trong việc nâng cao kiến thức và kỹ năng nghe, 60,4% đối với kỹ năng đọc, 53,46% đối với kỹ năng viết, 67,33% với kỹ năng nói và 81,19% với phần từ vựng, 70,3% với phần ngữ pháp. Trong khi đó, số lượng sinh viên đánh giá các ứng dụng này ít hiệu quả và không hiệu quả khá thấp, riêng đối với kỹ năng nghe và ngữ pháp, có 4 sinh viên (3,96%) đánh giá ít hiệu quả và 1 sinh viên (0,99%) đánh giá không hiệu quả chút nào. Về kỹ năng viết thì có tới 7 sinh viên (6,93%) không thấy được hiệu quả gì từ các ứng dụng, công cụ công nghệ học tiếng Anh trong khi có 4 em (3,96%) cũng cho rằng các ứng dụng này ít hiệu quả. Không có sinh viên nào đánh giá các ứng dụng không hiệu quả trong việc tăng cường kiến thức về từ vựng và chỉ có 1 em (0,99%) cho rằng các công cụ này ít hiệu quả.

4.1.5. Các tính năng hiệu quả nhất của các ứng dụng và công cụ công nghệ học tiếng Anh

Với kỹ năng nghe, các bài học qua video, bài nghe vô tuyến là tính năng được đánh giá cao trong việc thu hút, tạo hứng thú và tăng cường kỹ năng nghe cho sinh viên. Bên cạnh đó, các ứng dụng như Quizzes được 65,3% sinh viên sử dụng đánh giá cao trong việc phát triển kỹ năng đọc. Với kỹ năng viết, Grammar Check được 77,2% sinh viên lựa chọn để tăng cường kỹ năng viết. Những ứng dụng này đều nhằm hỗ trợ cải thiện kỹ năng viết thông qua sửa lỗi ngữ pháp, xác định ý tưởng chính của chủ đề, từ đó nâng cao khả năng viết tiếng Anh; Các bài luyện nói thông qua hội thoại là tính năng phổ biến và đánh giá hiệu quả nhất trong phát triển kỹ năng nói của sinh viên, có 59,4% sinh viên đều đồng ý lựa chọn. Điều này cho thấy tầm quan trọng của phương pháp tương tác và thực hành trong phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

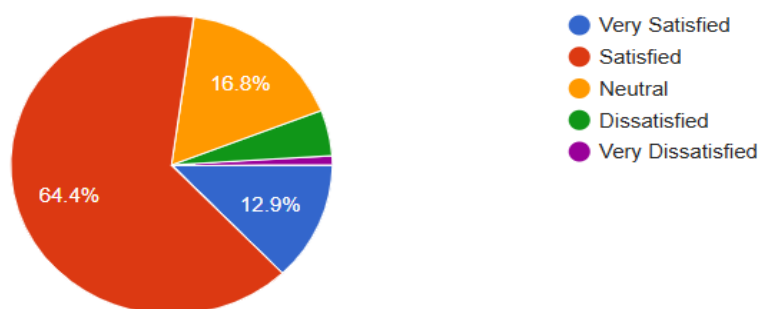
Ngoài ra, với các kiến thức từ vựng thì một lần nữa Quizzes chính là lựa chọn đánh giá cao hàng đầu với 69,3 % sinh viên đồng tình. Các trò chơi và thẻ từ vựng với hình ảnh thú vị, thể hiện sát ý nghĩa đem lại hiệu quả cao trong phát triển từ vựng tiếng Anh cho sinh viên.

Đặc biệt, các bài học ngữ pháp như Grammar check và Quizzes là hai công cụ được tin dùng nhất trong học ngữ pháp tiếng Anh. Thực tế này cũng chứng minh xu hướng sử dụng các bài học theo cấu trúc và sửa lỗi trong quá trình học ngữ pháp tiếng Anh.

4.1.6. Đánh giá về trải nghiệm sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ học tiếng Anh

Nhìn chung, 64,4% sinh viên học cho biết họ hài lòng với các trải nghiệm sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ để tự học tiếng anh, trong khi đó 12,9% thể hiện quan điểm rất hài lòng. Điều này cũng cho thấy sự tích cực trong việc thu hút người sử dụng của các ứng dụng, 16,8% sinh viên bày tỏ ý kiến trung lập và chỉ có một lượng nhỏ sinh viên bày tỏ sự không hài lòng (5,9%).

Hình 4: Đánh giá về trải nghiệm sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ học tiếng Anh



Nguồn: Tác giả tổng hợp

4.1.7. Các yếu tố học tự chủ của sinh viên được phát triển thông qua các ứng dụng và công cụ công nghệ học tiếng Anh

Nhìn chung, sinh viên đều đưa ra quan điểm đồng tình rõ ràng với sự phát triển của các yếu tố học tự chủ thông qua các ứng dụng và công cụ công nghệ học tiếng Anh. Từ giai đoạn lên kế hoạch, việc hiểu được mục tiêu của việc học tiếng Anh, xác định được những khó khăn mà bản thân gặp phải khi học tiếng Anh cũng như xác định và định hình mục tiêu ấy trong học tiếng Anh được thúc đẩy và thể hiện tương đối cụ thể bằng dữ liệu số với 56,4%, 58,7% và 52,5% đồng tình. Đặc biệt, trong quá trình kiểm soát thực hiện, sinh viên xác nhận có thể duy trì kế hoạch và lộ trình học tiếng Anh (52,6%), lựa chọn và thực hiện các chiến lược học tiếng Anh phù hợp (57,4%), xác định tài liệu, ứng dụng, công cụ công nghệ học tiếng Anh phù hợp (50,5%). Từ đó, các em hoàn toàn có thể kiểm tra và đánh giá mức độ tiến bộ của bản thân (54,5%) và 62,4% các em sinh viên xác nhận có thể đánh giá kết quả học tập tiếng Anh. Các yếu tố khác cũng được phát triển, tuy nhiên, chưa đạt được mức độ chấp thuận tương đối từ sinh viên.

Bảng 2: Nhận thức của sinh viên về sự phát triển của các yếu tố học tự chủ thông qua các ứng dụng và công cụ công nghệ tự học tiếng Anh

Quá trình	Các yếu tố học tự chủ	Đồng tình (%)
Lên kế hoạch	Hiểu được mục tiêu của việc học tiếng Anh	56,4%
	Xác định được những khó khăn mà bản thân gặp phải khi học tiếng Anh	58,7%
	Xác định và định hình mục tiêu hướng tới trong học tiếng Anh	52,5%
	Lên kế hoạch học tiếng Anh (thời gian, thời lượng, trình độ và tần suất học...)	34,7%
Kiểm soát	Duy trì kế hoạch và lộ trình học tiếng Anh	52,6%
	Lựa chọn và thực hiện các chiến lược học tiếng Anh phù hợp	57,4%
	Xác định tài liệu, ứng dụng, công cụ công nghệ học tiếng Anh phù hợp	50,5%
	Linh động và điều chỉnh việc học tiếng Anh phù hợp	38,6%
	Thực hiện tự học tiếng Anh với bạn bè	18,8%
	Chủ động hỏi thầy cô các vấn đề chưa hiểu trong học tiếng Anh	21,9%
	Chia sẻ, thảo luận các vấn đề gặp phải khi học tiếng Anh với bạn bè	21,8%
Đánh giá	Kiểm tra và đánh giá mức độ tiến bộ của bản thân	54,5%
	Đánh giá kết quả học tập tiếng Anh	62,4%
	Chỉnh sửa các lỗi gặp phải khi học tiếng Anh	47,5%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

4.1.8. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ để học tiếng Anh

Khi được hỏi về những khó khăn gặp phải khi sử dụng các ứng dụng và công cụ công nghệ để học tiếng Anh, hầu hết sinh viên (72,5%) cho rằng các ứng dụng chứa rất nhiều các mục quảng cáo, làm gián đoạn quá trình học trên ứng dụng và sinh viên cũng hay bị sao nhãng việc học trên các ứng dụng ấy do các ứng dụng xã hội khác như Facebook hay Instagram. Ngoài ra, 31,7% sinh viên cho rằng các ứng dụng học tiếng Anh này khiến cho các em trở nên thiếu kết nối và tương tác với bạn bè và thầy cô. Những khó khăn khác mà sinh viên cho rằng làm cản trở quá trình tự học tiếng Anh trên các ứng dụng và công cụ công

nghe như thiếu thiết bị hiện đại để tự học tiếng Anh trên các ứng dụng (19,8%), kết nối internet kém hoặc gặp các vấn đề kỹ thuật (21,8%) và năng lực công nghệ số kém (14,9%). Đặc biệt, 1% sinh viên còn liệt kê các yếu tố chủ quan khác khiến việc học tiếng Anh của các em trên các ứng dụng và công cụ công nghệ trở nên khó khăn hơn đó là sự lười biếng của chính bản thân sinh viên và do các tính năng mất phí cao của các ứng dụng.

4.2. Phiếu quan sát

Phiếu quan sát (Bảng 3) chỉ ra rằng sinh viên có thái độ tích cực đối với các ứng dụng và công cụ công nghệ tự học tiếng Anh. Trong đó, có sự thay đổi rõ ràng về thái độ của các em đối với việc tự học tiếng Anh. Lớp học trở nên sôi nổi hơn khi sinh viên luyện tập bài học trên các công cụ và ứng dụng công nghệ từ điện thoại và máy tính để học tiếng Anh dưới sự hướng dẫn tận tình của giáo viên. Ví dụ, sinh viên đã bày tỏ thái độ và các biểu cảm tích cực như “Great”, “Wow”, “Cool”, ... khi được thực hành sử dụng các tính năng trên ứng dụng Memrise, Wordup, Doulingo. Ngoài ra, sinh viên còn đưa ra những ghi chú và những gì họ đã học được từ các ứng dụng tiếng Anh cho giáo viên xem. Đặc biệt, sinh viên chủ động luyện tập kỹ năng tiếng Anh trên các ứng dụng và công cụ công nghệ ngay tại nhà và báo cáo lại kết quả cũng như đặt câu hỏi cho giáo viên để được giải đáp thông qua Zalo hay Gmail về những điều các em đã học được từ các ứng dụng đó.

Bảng 3: Phiếu quan sát

STT	Công cụ/Ứng dụng công nghệ	Đặc điểm nổi bật	Thái độ của sinh viên
1	- Memrise - Wordup - Duolingo - Quizlet - ...	- Biểu thị từng từ vựng gắn liền với tình huống thực tế với video, hình ảnh, phân tích của chuyên gia và các ví dụ rõ ràng - Cung cấp nguồn hội thoại AI phong phú - Đưa ra nhận xét và phản hồi nhanh chóng, chính xác cho các lỗi về chính tả, phát âm, cách sử dụng và bối cảnh dùng từ vựng.	- Sinh viên nhìn vào từ vựng trong giáo trình học trên lớp và đồng thời tìm kiếm các từ trên các ứng dụng để hiểu sâu về ý nghĩa hơn. - Sinh viên nghe phát âm các từ trên ứng dụng và chủ động phát âm theo nhiều lần để luyện tập. - Sinh viên chủ động đưa ra những ghi chú mà các em đã học được từ ứng dụng để dễ nhớ từ vựng hơn cho giáo viên xem - ...
2	- Learn English Grammar - English Grammar Test - English Grammar in Use - ...	- Có hơn 100 chủ đề phổ biến liên quan đến ngữ pháp, mỗi phần đều có giải thích rõ ràng và các ví dụ dễ hiểu - Có hơn 30 bài kiểm tra với 20 bài tập mỗi bài dành cho các trình độ trung cấp và cao hơn. - ...	- Sinh viên làm việc theo nhóm để chia sẻ những gì đã học được từ các ứng dụng tự học tiếng Anh và những khó khăn các em gặp phải với bạn cùng lớp. - Một vài sinh viên nhờ sự hướng dẫn thêm của giáo viên cho các cấu trúc ngữ pháp và ví dụ mà các em gặp trên các ứng dụng học tiếng Anh - Một số sinh viên chia sẻ rằng các em đã đầu tư thêm thời gian để học ngữ pháp hơn trước và cảm thấy thoải mái hơn.
3	- Listen English Daily Practice - Learn English	- Cung cấp nguồn tài liệu nghe tiếng Anh dồi dào với tất cả các cấp độ từ thấp lên	- Sinh viên chú ý đến các bài giảng điện tử về các ứng dụng học tiếng Anh của giáo viên và chủ động lấy điện thoại/máy

	Podcasts - VOA Learning English: AI+ ...	cao - Contain various listening tasks for practice - Có nhiều bài tập nghe đa dạng để luyện tập - Có tính năng điều chỉnh tốc độ nghe linh hoạt. -	tính để thực hành. - Sinh viên gật đầu đồng ý và tỏ thái độ hài lòng, vui vẻ, cũng như đưa ra các biểu cảm lời nói tích cực về sự hiệu quả của các ứng dụng như: “Great”, “Wow”, “Cool” - Một số em sinh viên rất hài lòng khi có thể nghe được các từ khoá và đưa ra được câu trả lời chính xác cho các bài tập nghe trắc nghiệm - Sinh viên học tập chăm chú hơn, chủ động đưa ra câu trả lời và giải thích nội dung của các bài nghe. - ...
4	- Elsa speak - Babbel - Talk English - ...	- Tập trung vào tăng cường kỹ năng nói và phát âm dựa trên phiên âm chính xác và giọng phát âm bản địa - Cung cấp các đoạn hội thoại với sự hỗ trợ từ AI - Mang đến các chủ đề phong phú, gắn liền với tình huống thực tế - Xác định được các lỗi phát âm với độ chính xác lên đến 90% - ...	Sinh viên tự tin hơn để luyện tập nói với bạn theo cặp và nhóm - Sinh viên chủ động tra phiên âm của từ và ghi âm phát âm của mình trên các ứng dụng và ghi nhận đánh giá. - Với các đoạn hội thoại theo chủ đề, sinh viên hoàn thành năm bài tập và báo cáo kết quả cho giáo viên trong buổi học tiếp theo. - Sinh viên sẵn sàng luyện tập đóng vai để thực hành hội thoại trên lớp. Ví dụ, với chủ đề “đặt bàn ăn tối”, sinh viên thực hành hội thoại trên ứng dụng trước khi thực hiện ghi hình và nộp bài trên ứng dụng EOP (ứng dụng học tiếng Anh của trường đại học Công nghiệp Hà Nội) -
5	- Ejoy reader - Elevate - Spreeder - Skimming and Scanning - ...	- Hỗ trợ từ điển để giải thích nghĩa của từ chỉ cần một lần chạm trong khi thực hành kỹ năng đọc. - Các chủ đề của bài đọc khá đa dạng và được phân loại từ mức độ dễ đến khó - ...	- Sinh viên đưa ra những lý do cho các trả lời sai trong các bài đọc mà các em làm và sử dụng từ điển cũng như vận dụng kỹ năng dò tìm ý chính để làm lại bài tập nhiều lần.
6	- JotterPad - Ginger - Hemingway Editor - ...	- Cung cấp cho người học quyền truy cập vào các công cụ viết có thể được sử dụng với nhiều thể loại sách và luận án viết; tiểu thuyết, blog, bài báo học thuật hoặc nghiên cứu, ... - Có tính năng chỉnh sửa và đánh giá bài viết nâng cao, tự động chỉnh sửa lỗi ngữ	- Sinh viên tải bài viết trong giáo trình học trên lớp trên các ứng dụng để kiểm tra lỗi và ghi chú nhưng từ mới và cấu trúc viết mà các em chưa từng gặp trước đó. - Sinh viên sử dụng những kiến thức về kỹ năng viết mà các em đã học được trên ứng dụng học tiếng Anh vào các bài viết trên EOP và nộp bài để nhận được đánh giá từ giáo viên.

pháp và chính tả. - ...
- Có các tính năng trò chơi
điều chỉnh, thay đổi cách
viết câu hiệu quả

Nguồn: Tác giả thực hiện

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ rằng, việc áp dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Anh đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy tính tự chủ của sinh viên năm thứ nhất không chuyên. Các công cụ như Quizlet, Padlet và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) được sinh viên đánh giá cao về tính tương tác, khả năng cá nhân hóa quá trình học tập và khả năng truy cập linh hoạt. Điều này phản ánh xu hướng toàn cầu về việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục ngôn ngữ.

Phân tích tần suất sử dụng các công cụ học tập kỹ thuật số cho thấy rằng, phần lớn sinh viên sử dụng các ứng dụng học tiếng Anh hàng ngày hoặc hàng tuần. Việc duy trì thói quen sử dụng công nghệ thường xuyên cho thấy mức độ chấp nhận và tích hợp công nghệ vào quá trình học tập của sinh viên là khá cao. Đặc biệt, các ứng dụng như Duolingo, Grammarly và Quizlet là những nền tảng phổ biến nhất, cho thấy sự ưu tiên của sinh viên đối với các công cụ có giao diện thân thiện và nhiều tính năng hỗ trợ học ngôn ngữ.

Phiếu quan sát cũng ghi nhận sự thay đổi tích cực trong thái độ của sinh viên đối với việc học tiếng Anh tự chủ. Các hoạt động học tập trở nên sôi nổi và sinh viên thể hiện sự hứng thú khi khám phá các tính năng mới của ứng dụng. Những phản hồi tích cực như “Great”, “Wow”, “Cool” được ghi nhận trong các buổi học, cho thấy rằng công nghệ không chỉ giúp sinh viên học tập mà còn mang lại niềm vui và động lực cho họ. Hơn nữa, sinh viên chủ động thực hành các kỹ năng tại nhà và trao đổi với giáo viên qua Zalo hoặc Gmail, phản ánh mức độ tự chủ ngày càng cao.

Tuy nhiên, các rào cản vẫn còn tồn tại đáng kể. Vấn đề kỹ năng sử dụng công nghệ của sinh viên là một trở ngại lớn, đặc biệt đối với những sinh viên đến từ khu vực nông thôn hoặc thiếu tiếp xúc với các công cụ công nghệ hiện đại. Ngoài ra, vấn đề kỹ thuật như kết nối internet không ổn định, thiếu thiết bị hay các sự cố phần mềm cũng ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Bên cạnh đó, sự thiếu tương tác trực tiếp với giáo viên và bạn bè có thể dẫn đến tình trạng mất động lực hoặc thiếu sự kiểm tra tiến độ trong quá trình học.

Những kết quả này đã cho thấy rằng, mặc dù công nghệ mang lại nhiều lợi ích, nhưng sự thành công trong việc áp dụng công nghệ để thúc đẩy tính tự chủ phụ thuộc rất nhiều vào việc giải quyết các thách thức đã nêu trên. Việc tổ chức các buổi đào tạo kỹ năng sử dụng công nghệ, cung cấp thiết bị hỗ trợ, và tăng cường sự hợp tác giữa sinh viên và giáo viên có thể là những giải pháp hữu ích. Ngoài ra, việc kết hợp giữa công nghệ và các hoạt động trực tiếp trong lớp học sẽ giúp đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên, đồng thời tăng tính tương tác và động lực học tập. Cuối cùng, nghiên cứu này mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về việc khai thác sâu hơn các yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ trong học ngôn ngữ, đặc biệt là trong các bối cảnh đào tạo khác nhau. Các nhà giáo dục và các cơ sở đào tạo cần xem xét cách tích hợp công nghệ vào chương trình giảng dạy một cách hiệu quả nhất để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên.

6. Kết luận và đề xuất

Công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tính tự chủ của sinh viên năm thứ nhất không chuyên trong học tập tiếng Anh. Công nghệ không chỉ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách dễ dàng mà còn tạo điều kiện để họ phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua các hoạt động tương tác và thực hành. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tiềm năng của công nghệ, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên nhằm giải quyết các rào cản kỹ thuật và nâng cao nhận thức về công nghệ. Nhà trường cần tổ chức các buổi tập huấn và hội thảo về kỹ năng sử dụng các ứng dụng học tiếng Anh cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên mới nhập học, xây dựng hệ thống hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng các công cụ học tập trực tuyến. Ngoài ra, nhà trường cũng cần khuyến khích giảng viên tích hợp các công cụ công nghệ vào bài giảng và thiết kế các hoạt động học tập tương tác trên nền tảng số, tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các dự án học tập cộng đồng hoặc nhóm nhỏ nhằm tăng cường khả năng tự học và thực hành và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại trường học để đảm bảo sinh viên có thể tiếp cận công nghệ một cách thuận lợi và hiệu quả.

Những đề xuất này không chỉ giúp cải thiện kết quả học tập của sinh viên mà còn góp phần xây dựng một môi trường học tập hiện đại, sáng tạo và hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- Benson, P. (2001). *Teaching and Researching Autonomy in Language Learning*. Pearson Education.
- Chapelle, C. A. (2003). *English Language Learning and Technology: Lectures on Applied Linguistics in the Age of Information and Communication Technology*. John Benjamins Publishing Company.
- Cotterall, S. (2000). Promoting Learner Autonomy through the Curriculum: Principles for Designing Language Courses. *ELT Journal*, 54(2), 109-117.
- Creswell, J. W. (2014). *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches* (4th ed.). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications.
- Dam, L. (1995). *Learner Autonomy 3: From Theory to Classroom Practice*. Authentik.
- Egbert, J. (2005). *CALL Essentials: Principles and Practice in CALL Classrooms*. TESOL Publications.
- Flick, U. (2014). *An Introduction to Qualitative Research* (5th ed.). London: SAGE Publications.
- Gillham, B. (2000). *Developing a Questionnaire* (1st ed.). London: Continuum.
- Holec, H. (1981). *Autonomy and Foreign Language Learning*. Pergamon Press.
- Hubbard, P. (2009). *Computer Assisted Language Learning: Critical Concepts in Linguistics*. Routledge.
- Lai, C., & Gu, M. (2011). Self-regulated Out-of-class Language Learning with Technology. *Computer Assisted Language Learning*, 24(4), 317-335.
- Little, D. (1991). *Learner Autonomy: Definitions, Issues, and Problems*. Authentik.
- Neuert, C., et al. (2021). *Advances in Questionnaire Design, Development, Evaluation and Testing*. Hoboken, NJ: Wiley.
- Sinclair, B. (2000). Learner Autonomy: The Next Phase? In B. Sinclair, I. McGrath, & T. Lamb (Eds.). *Learner Autonomy, Teacher Autonomy: Future Directions* (pp. 4-14). Longman.
- Stockwell, G. (2010). Using Mobile Phones for Vocabulary Activities: Examining the Effect of the Platform. *Language Learning & Technology*, 14(2), 95-110.
- Warschauer, M., & Healey, D. (1998). Computers and Language Learning: An Overview. *Language Teaching*, 31(2), 57-71.